

SOME FINDINGS FROM THE REVIEW OF THE PRIMARY LITERATURE CURRICULUM IN THE 2018 GENERAL EDUCATION PROGRAM

Vo Thanh Ha^{*1}, Tran Thi Hien Luong²,
Nguyen Thi Kieu Anh³, Bui Thanh Thuy⁴,
Nguyen Thi Que⁵

* Corresponding author
Email: havt@gesd.edu.vn

² Email: luongth@vnies.edu.vn

³ Email: anhntk@vnies.edu.vn

⁴ Email: thuybt@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences

101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

⁵ Email: nguyenqueth@gmail.com

Victory Experimental Primary School
TH2A, Van Quan Urban, Ha Dong,
Hanoi, Vietnam

Received: 01/11/2024

Revised: 19/11/2024

Accepted: 03/01/2025

Published: 20/02/2025

Abstract: By the 2024 - 2025 school year, the 2018 General Education Program will have been implemented across schools from Grade 1 to Grade 12, with the early grades of each education level having been taught for several years. Throughout the implementation of the new textbooks, the curriculum for various subjects and educational activities has demonstrated numerous advantages. However, there are still aspects that leave teachers concerned and provoke differing opinions, particularly regarding the Literature subject in primary education. This article presents several research findings from the review of the primary Literature curriculum under the General Education Program. The research was conducted through document analysis, online interviews, and in-person interviews with teachers and educational administrators. This endeavor is essential for further developing and refining the curriculum and for finding solutions to meet the established objectives.

Keywords: Curriculum, Literature subject, Primary education, competency, requirement.

MỘT SỐ KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN CẤP TIỂU HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Võ Thanh Hà^{1*}, Trần Thị Hiền Lương²,
Nguyễn Thị Kiều Anh³, Bùi Thanh Thủy⁴,
Nguyễn Thị Quê⁵

* Tác giả liên hệ

Email: havt@gesd.edu.vn

² Email: luongth@vnies.edu.vn

³ Email: anhntk@vnies.edu.vn

⁴ Email: thuybt@vnies.edu.vn

^{1,2,3,4} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

⁵ Email: nguyenqueth@gmail.com

Trường Tiểu học Thực nghiệm Victory
TH2A, Khu Đô thị Văn Quán, Hà Đông,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 01/11/2024

Chỉnh sửa xong: 19/11/2024

Chấp nhận đăng: 03/01/2025

Xuất bản: 20/02/2025

Tóm tắt: Năm học 2024 - 2025, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã được triển khai dạy học ở các nhà trường từ lớp 1 đến lớp 12. Trong đó, những lớp đầu cấp học đã được dạy qua nhiều năm. Trong quá trình triển khai dạy học theo sách giáo khoa mới, chương trình các môn học và hoạt động giáo dục được khẳng định nhiều ưu điểm, song bên cạnh đó cũng có những nội dung còn khiến giáo viên băn khoăn và có những ý kiến trái chiều, trong đó có môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học. Bài báo trình bày một số kết quả nghiên cứu về rà soát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học dựa trên việc khảo cứu tài liệu, phỏng vấn online, phỏng vấn trực tiếp các giáo viên và bộ quản lý giáo dục. Đây là một việc làm cần thiết trong quá trình phát triển chương trình để tiếp tục hoàn thiện chương trình và tìm giải pháp đáp ứng mục tiêu đề ra.

Từ khóa: Chương trình, môn Ngữ văn, Tiểu học, năng lực, yêu cầu cần đạt.

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 ở cấp Tiểu học được triển khai lần đầu tiên đối với lớp 1 từ năm học 2020 - 2021. Đến năm học 2024 - 2025, Chương trình đã được triển khai từ lớp 1 đến lớp 5. Trong đó, lớp 1 đã triển khai đến năm thứ 5 và lớp 5 triển khai năm đầu tiên. Ở cấp Tiểu học,

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn được gọi là môn Tiếng Việt, thống nhất chung với định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông Tổng thể, hướng đến mục tiêu giúp học sinh phát triển hai năng lực đặc thù, đó là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học. Chương trình được xây dựng trên cơ sở những thành tựu về giáo dục học, tâm

lí học, văn học, ngôn ngữ học, kế thừa những ưu điểm của Chương trình trước đây, những quan điểm xây dựng và phát triển Chương trình hiện đại (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Trên cơ sở đó, Chương trình đã có nhiều thành tựu khi triển khai vào thực tiễn biên soạn tài liệu và dạy học trong nhà trường phổ thông. Trong quá trình xây dựng và triển khai Chương trình, việc nghiên cứu, rà soát Chương trình là một việc làm cần thiết nên được thực hiện theo một chu kỳ nhất định nhằm đối chiếu lại với các mục tiêu mà Chương trình đã đề ra. Điều này cũng đúng với định hướng về phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông trong Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình Tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2018. Kinh nghiệm quốc tế trong việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông ở các nước trên thế giới cũng cho thấy nhiều quốc gia đã thực hiện việc này trong quá trình phát triển Chương trình. Chẳng hạn, ở New Zealand và Nam Phi, khi Chương trình mới được ban hành lần lượt vào năm 2008, 2012 thì đến năm 2011, 2016, Bộ Giáo dục các nước đều có những báo cáo đánh giá ban đầu về toàn bộ quá trình triển khai Chương trình (Sinnema, C., 2011; Department of Basic Education, 2017). Trong bài báo này, chúng tôi trình bày một số rà soát ban đầu về Chương trình môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học, từ đó đề xuất một số kiến nghị đối với quá trình phát triển Chương trình.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng một số phương pháp chính như sau:

Thứ nhất, chúng tôi tiến hành khảo cứu tư liệu, trong đó văn bản chính để nghiên cứu là bản Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng rà soát văn bản Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình Tổng thể 2018 và Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2006 để có cái nhìn khái quát, so sánh, đối chiếu những điểm đã đạt được theo Chương trình Tổng thể, sự giống nhau và khác biệt so với Chương trình môn Ngữ văn 2006. Ngoài ra, chúng tôi cũng tìm hiểu các nghiên cứu liên quan đến việc triển khai Chương trình môn Ngữ văn 2018 trong những năm gần đây.

Thứ hai, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua các phỏng vấn online và trực tiếp đối với giáo viên, cán bộ quản lý cấp Tiểu học để tìm hiểu về những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai Chương trình tại các nhà trường. Trong nghiên cứu này, chúng tôi phỏng vấn giáo viên, cán

bộ quản lý công tác tại 7 huyện và 2 thành phố của tỉnh Vĩnh Phúc. Chúng tôi thu được phiếu phỏng vấn online và trực tiếp của 468 giáo viên, cán bộ quản lý (145 cán bộ quản lý, chiếm 31% và 323 giáo viên, chiếm 69%; Nam có 64 (13,7%); Nữ có 404 (86,3%). Tỷ lệ phần trăm câu trả lời ở các huyện, thành phố ở Vĩnh Phúc lần lượt từ cao xuống thấp như sau: Huyện Vĩnh Tường có 18,4%, huyện Lập Thạch (13%), huyện Yên Lạc (12,2%), huyện Bình Xuyên (12,2%), huyện Tam Dương (9,6%), huyện Sông Lô (9,4%), thành phố Vĩnh Yên (9,4%), thành phố Phúc Yên (8,3%), huyện Tam Đảo (7,5%). Ba câu hỏi nghiên cứu đưa ra đối với giáo viên và cán bộ quản lý: 1) Thầy/Cô có thuận lợi gì khi giảng dạy/ chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường? 2) Thầy/Cô có khó khăn gì khi giảng dạy/ chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường? Nội dung nào trong Chương trình cảm thấy khó khăn, chưa hợp lí? 3) Thầy/Cô có đề xuất gì khi giảng dạy/ chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường? Nội dung nào trong Chương trình cần có hướng dẫn, điều chỉnh? Với ba câu hỏi này, các cán bộ quản lý và giáo viên ghi cụ thể ý kiến đối với từng câu hỏi. Trên cơ sở khảo cứu tài liệu và nghiên cứu định tính này, chúng tôi có nhận xét ban đầu như sau:

2.1. Những ưu điểm của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học

Chương trình đã chú trọng tính hiện đại, kế thừa những ưu điểm của các Chương trình trước đây. Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học thống nhất chung với định hướng của Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể, hướng đến mục tiêu giúp học sinh phát triển 2 năng lực đặc thù, đó là năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Cả hai năng lực này đều được hình thành, phát triển, minh chứng qua việc học tập, rèn luyện 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; chỉ phân biệt ở chỗ năng lực văn học thể hiện qua việc đọc, viết, nói, nghe gắn với văn bản văn học.

Vì đặt mục tiêu phát triển năng lực người học nên Chương trình nêu rõ hơn các yêu cầu học sinh cần đạt được, cần làm được. Chương trình đã nêu yêu cầu cụ thể đối với đọc, viết, nói và nghe. Trong đó, Chương trình xác định rõ yêu cầu cần đạt đối với từng giai đoạn. Chẳng hạn, yêu cầu về đọc, đối với lớp 1, 2 chủ yếu là “Đọc đúng với tốc độ phù hợp và đọc hiểu nội dung đơn giản của văn bản” (Bộ Giáo

dục và Đào tạo, 2018). Đối với lớp 3, 4, 5, Chương trình lại yêu cầu: “Chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). So sánh yêu cầu về kĩ năng đọc, Chương trình đã nêu rõ yêu cầu về đọc văn bản văn học và yêu cầu về đọc văn bản thông tin theo 3 phương diện: đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ so sánh kết nối. Đối chiếu với Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2006 sẽ thấy rõ điều này. Ví dụ, yêu cầu cần đạt ở lớp 3 như sau (xem Bảng 1).

Qua phân tích trên, có thể nhận thấy, Chương trình đã có sự kết nối khá hợp lí về nội dung, yêu cầu

cần đạt giữa các lớp, có sự kiểm soát, quản lí về mức độ yêu cầu giữa các lớp. Chẳng hạn, ở kĩ năng đọc, Chương trình đã chú ý phân biệt về dung lượng/độ dài/độ phức tạp (độ khó) của văn bản theo thể loại giữa các lớp - đây là một cách thể hiện mức độ yêu cầu lớp sau cao hơn lớp trước. Ví dụ về yêu cầu độ dài văn bản đọc giữa các lớp như sau (xem Bảng 2).

Đối với kĩ năng viết đoạn văn, văn bản ở cấp Tiểu học, nội dung viết đa dạng, phong phú hơn so với trước đây song không gây cảm giác nặng nề đối với việc học tập của học sinh vì Chương trình được thiết kế đồng tâm. Hầu hết các kiểu bài (như thuật việc, kể chuyện, miêu tả, biểu cảm, nêu ý kiến,...) đều được

Bảng 1: Yêu cầu cần đạt nội dung đọc hiểu lớp 3 của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006; 2018)

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2006 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006)	Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018)	
	Đọc hiểu văn bản văn học	Đọc hiểu văn bản thông tin
“- Hiểu ý chính của đoạn văn. - Biết nhận xét một số hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc”.	“Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. - Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản. - Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện. - Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ. - Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. Liên hệ, so sánh, kết nối - Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó. - Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó”.	“Đọc hiểu nội dung - Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý? Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản. Đọc hiểu hình thức - Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: Văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 - 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản. - Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối. Nêu được những điều học được từ văn bản”.

Bảng 2: Yêu cầu về độ dài văn bản đọc trong Chương trình Ngữ văn 2018 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018)

STT	Thể loại	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Truyện	90 – 130 chữ	180 – 200 chữ	200 – 250 chữ	280 – 330 chữ	300 – 350 chữ
2	Đoạn hoặc bài miêu tả		150 – 180 chữ	180 – 200 chữ	200 – 250 chữ	200 – 250 chữ
3	Thơ	50 – 70 chữ	70 – 90 chữ	80 – 100 chữ	100 – 120 chữ	110 – 130 chữ
4	Văn bản thông tin	90 chữ	110-140 chữ	120 – 150 chữ	150 – 180 chữ	230 chữ

Bảng 3: Yêu cầu về kỹ năng viết đoạn văn, văn bản miêu tả từ lớp 2 đến lớp 5 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018)

Lớp	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Yêu cầu cần đạt	Viết được 4 - 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.	Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.	Viết được bài văn miêu tả con vật, cây cối; sử dụng nhân hóa và những từ ngữ gọi lên đặc điểm nổi bật của đối tượng được tả.	Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hóa và những từ ngữ gọi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả.

luyện tập ở các lớp 2, 3, 4, 5 theo hướng nâng cao dần yêu cầu về dung lượng và kỹ năng. Qua Bảng 3, có thể thấy rõ yêu cầu cần đạt đối với kiểu bài miêu tả từ lớp 2 đến lớp 5 đã có sự kết nối, phát triển rõ rệt qua từng lớp.

Như vậy, mặc dù Chương trình yêu cầu học sinh viết nhiều kiểu văn bản ở mỗi lớp, song các kiểu bài được luyện tập theo yêu cầu nâng cao dần, phù hợp với sự phát triển năng lực của học sinh qua từng năm học.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho học sinh, Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 vẫn chú ý hình thành “Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học”. So với Chương trình trước đây, một số nội dung kiến thức đã được giảm tải (Ví dụ: Từ đồng âm, cấu tạo từ: Từ đơn, từ phức/ từ ghép, từ láy), sắp xếp lại hoặc bổ sung một số kiến thức cần thiết giúp học sinh có cơ sở để phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học. Ví dụ: Biện pháp so sánh (lớp 3), biện pháp nhân hóa (lớp 4),

biện pháp điệp từ, điệp ngữ (lớp 5), viết hoa danh từ chung thể hiện sự tôn trọng đặc biệt (lớp 5), lựa chọn từ ngữ (lớp 5)...

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học đã có những định hướng khái quát về phương pháp dạy học (đối với từng kỹ năng đọc, viết, nói và nghe) và định hướng đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học, phẩm chất người học, nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Việc triển khai thực hiện Chương trình có nhiều thuận lợi. Trong khảo sát bằng phiếu hỏi online và trực tiếp với 468 cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học ở tỉnh Vĩnh Phúc năm 2024, đối với câu hỏi “Thầy/Cô có thuận lợi gì khi giảng dạy/chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường?”, chúng tôi phân tích kết quả trả lời theo 02 nhóm đối tượng là cán bộ quản lý và giáo viên (xem Bảng 4).

Bảng 4 cho thấy, yếu tố về tập huấn đầy đủ được các giáo viên, cán bộ quản lý khẳng định với số lượng câu trả lời cao nhất, lần lượt là 33,43% và 35,86%.

Bảng 4: Thuận lợi của cán bộ quản lý, giáo viên khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cấp Tiểu học

Cán bộ quản lý				Giáo viên			
STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %	STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Tập huấn đầy đủ	52	35,86	1	Tập huấn đầy đủ	108	33,43
2	Tài liệu đầy đủ	21	14,48	2	Cơ sở vật chất đầy đủ	60	18,57
3	Đội ngũ giáo viên có trình độ, có kiến thức, nhiệt tình	16	11,03	3	Sự quan tâm của các cấp	38	11,76
4	Không	15	10,34	4	Đội ngũ giáo viên có trình độ, có kiến thức, nhiệt tình	29	8,97
5	Sự quan tâm của các cấp	14	9,65	5	Tài liệu đầy đủ	24	7,43
6	Cơ sở vật chất đầy đủ	13	8,96	6	Học sinh tích cực, hứng thú học tập	20	6,19

Cán bộ quản lí				Giáo viên			
STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %	STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %
7	Cán bộ quản lí nắm vững Chương trình, phương pháp, cách đánh giá	11	7,58	7	Không	18	5,57
8	Học sinh tích cực, hứng thú học tập	3	2,06	8	Chương trình đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dạy theo hướng mở, phù hợp với học sinh	15	4,64
				9	Sách mới đẹp, rõ ràng về hình thức và nội dung, hình ảnh minh họa hấp dẫn	11	3,40
Tổng		145	100,00	Tổng		323	100,00

Vai trò của các lớp tập huấn này cũng được khẳng định qua một nghiên cứu của tác giả Trần Thị Hiền Lương và cộng sự (2022) với hơn 2000 giáo viên. Kết quả khảo sát của nghiên cứu này cũng cho thấy: “Đa số cán bộ quản lí và giáo viên đều đánh giá nội dung các khoá tập huấn ở hai mức độ phần lớn đáp ứng và đáp ứng tốt”. Quan sát câu trả lời của hai nhóm có thể thấy, có một số nội dung chung giữa hai nhóm liên quan đến: Sự quan tâm của các cấp, cơ sở vật chất đầy đủ; Tài liệu đầy đủ; Học sinh tích cực; Đội ngũ giáo viên có trình độ, nhiệt tình và câu trả lời Không. Ngoài ra, giữa hai nhóm cũng có thêm một số nội dung trả lời khác biệt, có ở nhóm này nhưng không có ở nhóm kia. Cụ thể, về phía cán bộ quản lí có thêm yếu tố thuận lợi về bản thân đội ngũ cán bộ quản lí. Về phía giáo viên, có thêm yếu tố về Chương trình, sách giáo khoa. Về tỉ lệ câu trả lời giữa các yếu tố ở hai nhóm cũng có sự khác biệt. Đối với cán bộ quản lí, yếu tố thuận lợi có ít câu trả lời nhất là yếu tố liên quan đến học sinh chỉ có 2,06%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là Tài liệu đầy đủ (14,48%); Đội ngũ giáo viên có trình độ, có kiến thức, nhiệt tình (11,03%); Không (10,34%); Sự quan tâm của các cấp (9,65%); Cơ sở vật chất đầy đủ (8,96%); Cán bộ quản lí nắm vững Chương trình, phương pháp, cách đánh giá (7,58%). Đối với giáo viên, yếu tố thuận lợi có ít câu trả lời nhất liên quan đến Sách chỉ có 3,40%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là Cơ sở vật chất đầy đủ (18,57%); Sự quan tâm của các cấp (11,76%); Đội ngũ giáo viên có trình độ, có kiến thức, nhiệt tình (8,97%), Tài liệu đầy đủ (7,43%); Học sinh yêu thích, hứng thú với môn học (6,19%); Không (5,57%); Chương trình đầy đủ, rõ ràng, chi tiết, dạy theo hướng mở, phù hợp với học sinh (4,64%).

2.2. Một số điểm trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học cần tiếp tục xem xét

Qua nghiên cứu văn bản Chương trình và thực tiễn triển khai dạy học và biên soạn tài liệu, chúng tôi cũng nhận thấy một số điểm cần được xem xét như sau:

- Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe ở các lớp chưa chỉ rõ các mức đạt được khác nhau (như trung bình, khá, giỏi) để có thể dựa vào đó xác định, đánh giá, mô tả năng lực của từng học sinh. Việc đánh giá năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cấp Tiểu học (năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học) cần dựa trên mức độ đạt được ở các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của từng em. Xây dựng chuẩn đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe là việc làm cần thiết để thực hiện hiệu quả việc dạy học phát triển năng lực theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Về kĩ năng đọc, một số yêu cầu cần đạt cần được mô tả rõ hơn về các mức độ yêu cầu. Ví dụ: Với yêu cầu “Ngữ điệu phù hợp” đối với lớp 2, cần diễn giải rõ hơn thế nào là “phù hợp”. Một số yêu cầu cần đạt hầu như lặp lại về mức độ giữa các lớp như “Nhận biết được trình tự của các sự việc trong văn bản”. Yêu cầu về đọc hiểu hình thức của văn bản thông tin cũng có cả ở lớp 1 và lớp 2. Lớp 2 chỉ thêm một ý về “hiện tượng”.

- Về kĩ năng viết đoạn văn, văn bản, các kiểu bài được luyện tập nhắc lại ở các lớp song cần thể hiện rõ hơn mức độ yêu cầu về nội dung, ý tưởng, về kĩ năng dùng từ, viết câu, về liên kết, về hình thức trình bày... Sự khác nhau về yêu cầu viết các kiểu bài văn giữa các lớp chủ yếu mới thể hiện ở độ dài của đoạn

văn, văn bản, thậm chí có kiểu bài còn không thấy rõ sự phân biệt cả về dung lượng (Ví dụ: Yêu cầu viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người giữa các lớp). Việc yêu cầu viết nhiều kiểu bài đối với học sinh lớp 2 có lẽ cũng chưa thật hợp lí. Cụ thể như sau:

“Viết được 4 - 5 câu thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia dựa vào gợi ý.

- Viết được 4 - 5 câu tả một đồ vật gần gũi, quen thuộc dựa vào gợi ý.

- Viết được 4 - 5 câu nói về tình cảm của mình đối với người thân hoặc sự việc dựa vào gợi ý.

- Viết được 4 - 5 câu giới thiệu về một đồ vật quen thuộc dựa vào gợi ý.

- Biết đặt tên cho một bức tranh.

- Biết viết thời gian biểu, bưu thiếp, tin nhắn, lời cảm ơn, lời xin lỗi” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Yêu cầu viết đối với lớp 2 như vậy có khác biệt giữa lớp 1 và lớp 2. Học sinh phải phân biệt cách viết giới thiệu đồ vật với miêu tả đồ vật cũng là khó đối với học sinh lớp 2.

- Về kiến thức tiếng Việt, một số nội dung chưa trình bày được sự khác biệt giữa các lớp. Ví dụ, lớp 2, 3 đều có nội dung “Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất”. Cần phân định rõ mức độ yêu cầu nhận biết/ hiểu biết về từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất so

với nội dung học tập giữa lớp 2 và lớp 3. Một số nội dung chỉ ghi chung, chưa có chỉ dẫn cụ thể nên còn khó khăn trong quá trình biên soạn tài liệu dạy học. Ví dụ, nội dung dạy âm, vần lớp 1, nội dung đại từ ở lớp 5. Nội dung về “Vốn từ theo chủ điểm” lặp lại ở tất cả các lớp nhưng chưa có gợi ý về chủ điểm mở rộng vốn từ. Về công dụng của dấu câu có lẽ cũng nên xác định mức độ yêu cầu (Ví dụ: Dấu chấm than đặt ở cả câu cảm và câu khiến; dấu chấm đặt ở cả câu kể, câu khiến). Lớp 4 và lớp 5 đều có nội dung “Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu” “Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng” nhưng không có yêu cầu cụ thể phân biệt giữa hai lớp.

- Những hướng dẫn về phương pháp dạy học trong Chương trình còn ở mức khái quát, chưa có những chỉ dẫn cụ thể để áp dụng vào thực tế dạy học.

- Việc hướng dẫn đánh giá năng lực học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học chưa rõ. Chương trình chưa xây dựng được chuẩn đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe theo các mức đạt được khác nhau của học sinh. Để tạo sự đổi mới đồng bộ về dạy học theo quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực người học, cần thiết phải xây dựng chuẩn đầu ra cho quá trình học tập từng môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có môn Ngữ văn cấp Tiểu học (Tiếng Việt). Chuẩn đánh giá môn Tiếng Việt phải mô tả rõ các

Bảng 5: Khó khăn của cán bộ quản lí, giáo viên khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 ở cấp Tiểu học

Cán bộ quản lí				Giáo viên			
STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %	STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Không	68	46,89	1	Không	110	34,05
2	Cơ sở vật chất chưa đầy đủ	36	24,82	2	Cơ sở vật chất chưa đầy đủ	56	17,33
3	Viết đoạn, bài	13	8,96	3	Trình độ nhận thức của học sinh	43	13,31
4	Năng lực, nhận thức, trình độ giáo viên	10	6,89	4	Viết đoạn, bài	40	12,38
5	Đọc mở rộng	7	4,82	5	Khó khăn về nội dung, phương pháp	34	10,52
6	Kiến thức tiếng Việt	4	2,75	6	Đọc mở rộng	20	6,19
7	Nhận thức của học sinh	4	2,75	7	Tài liệu ít, hạn chế	17	5,26
8	Tài liệu ít, hạn chế	3	2,06	8	Kiến thức tiếng Việt	3	0,92
Tổng		145		Tổng		323	100,00

mức độ kết quả học sinh đạt được, thể hiện rõ đường phát triển năng lực của học sinh từ thấp đến cao.

Trong quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học, các nhà trường còn gặp một số thách thức nhất định. Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Thị Hiền Lương và cộng sự (2022) khi lấy ý kiến của hơn 2000 giáo viên dạy lớp 2 môn Tiếng Việt (qua hình thức online), có khoảng 20% giáo viên xác nhận những khó khăn như: “Giáo viên chưa nắm vững đặc trưng cơ bản về dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh”, “Yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn học chưa cụ thể”, “Sách giáo khoa chưa thực sự hỗ trợ cho việc thiết kế dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh” (Trần Thị Hiền Lương và cộng sự, 2022).

Trong khảo sát bằng phiếu hỏi online và trực tiếp với cán bộ quản lý và giáo viên tiểu học ở tỉnh Vĩnh Phúc năm 2024, đối với câu hỏi: “Thầy/Cô có khó khăn gì khi giảng dạy/chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường? Nội dung nào trong Chương trình cảm thấy khó khăn, chưa hợp lý?”, chúng tôi cũng thu được bảng kết quả như sau (xem Bảng 5).

Qua Bảng 5, số lượng giáo viên và cán bộ quản lý không gặp khó khăn khi triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học có tỉ lệ trả lời cao nhất, lần lượt là 34,05% và 46,89%. Tiếp đến là yếu tố về *Cơ sở vật chất chưa đầy đủ* với tỉ lệ lần lượt đối với giáo viên là 17,33% và cán bộ quản lý là 24,82%. Một số nội dung chung giữa hai nhóm liên quan đến *Viết đoạn, bài; Kiến thức tiếng Việt, Đọc mở rộng; Tài liệu ít, hạn chế; Nhận thức của học sinh*. Đối với nhóm cán bộ quản lý có thêm đánh giá yếu tố khó khăn về *năng lực, nhận thức, trình độ giáo viên*. Tỉ lệ này chiếm khoảng 6,89%. Theo cán bộ quản lý, việc triển khai Chương trình có thể gặp khó khăn do trình độ giáo viên chưa đồng đều, Giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm; Giáo viên cao tuổi chưa cập nhật công nghệ thông tin. Đối với nhóm giáo viên, có thêm khó khăn về việc Chương trình mới nên giáo viên gặp khó khăn về nội dung, phương pháp (10,52%). Về tỉ lệ câu trả lời giữa các yếu tố ở hai nhóm cũng có sự khác biệt. Đối với cán bộ quản lý, yếu tố khó khăn có ít câu trả lời nhất là yếu tố liên quan *Tài liệu ít, hạn chế* chỉ có 2,06%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là: *Viết đoạn, bài* (8,96%); *Năng lực nhận thức, trình độ giáo viên* (6,89%); *Đọc mở rộng* (4,82%); *Kiến thức tiếng Việt và nhận thức học sinh* (2,75%). Đối với giáo viên, yếu tố khó khăn có ít câu trả lời nhất liên quan đến phần *Kiến thức*

tiếng Việt chỉ có 0,92%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là: *Trình độ nhận thức của học sinh* (13,31%); *Viết đoạn, bài* (12,38%); *Khó khăn về nội dung, phương pháp* (10,52%); *Đọc mở rộng* (6,19%); *Tài liệu ít hạn chế* (5,26%). Trong đó, về kiến thức tiếng Việt, giáo viên, cán bộ quản lý có đưa ra một số nhận định như: *Nội dung môn Tiếng Việt 1 hơi nặng kiến thức. Phần Luyện từ và câu lớp 4: Việc dạy từ loại khi chưa được học cấu tạo từ khiến học sinh gặp khó khăn trong quá trình học tập. Giáo viên cảm thấy khó khăn với phần dạy về Đại từ ở lớp 5. Về đọc mở rộng, họ gặp khó khăn khi dạy phần đọc mở rộng vì phần đọc mở rộng kiến thức hơi rộng so với sự hiểu biết của học sinh. Tiết đọc mở rộng không có nhiều ngữ liệu để dạy. Học sinh vùng núi gặp khó khăn trong việc sưu tầm các bài đọc tương tự. Về kĩ năng viết: Giáo viên, cán bộ quản lý cho rằng, có khó khăn dạy phần viết câu ở lớp 1, nhiều đề văn còn khó để học sinh tưởng tượng khi viết văn. Nội dung phần viết đôi khi chưa gắn gũi với thực tiễn, học sinh khó khăn trong việc viết đoạn văn theo yêu cầu cho trước. Phần viết văn có nhiều dạng bài. Phần viết sáng tạo tưởng tượng khó với phần lớn học sinh. Nội dung viết văn yêu cầu cao. Phần viết văn của lớp 4-5 nhiều nội dung khó với học sinh.*

Về kiến nghị đề xuất đối với việc triển khai Chương trình trong nhà trường, đối với câu hỏi: “Thầy/Cô có đề xuất gì khi giảng dạy/chỉ đạo triển khai môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tại nhà trường? Nội dung nào trong Chương trình cần có hướng dẫn, điều chỉnh?”, chúng tôi thu được bảng kết quả như sau (xem Bảng 6).

Qua Bảng 6, số lượng giáo viên và cán bộ quản lý không có đề xuất gì chiếm tỉ lệ cao nhất lần lượt là 55,72% và 64,13%. Các vấn đề đề xuất giữa hai nhóm khá tương đồng, chỉ khác biệt về tỉ lệ câu trả lời. Đối với cán bộ quản lý, yếu tố được đề xuất ít nhất là *Đọc mở rộng* chiếm 0,68%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là: *Tăng cường cơ sở vật chất* (19,31%); *Tập huấn* (6,20%); *Viết đoạn, bài* (5,51%); *Tài liệu* (2,75%); *Kiến thức tiếng Việt* (1,37%). Đối với giáo viên, yếu tố được đề xuất ít nhất là *Kiến thức tiếng Việt*, chiếm 2,78%. Các yếu tố khác có tỉ lệ từ cao xuống thấp lần lượt là: *Viết đoạn, bài* (13%); *Cơ sở vật chất* (12,38%); *Tập huấn* (8,04%); *Tài liệu* (4,33%) và *Đọc mở rộng* (3,71%). Trong đó, giáo viên và cán bộ quản lý mong muốn được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị dạy học. Về tài liệu, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên đặt hàng giáo viên giỏi soạn bài giảng điện tử một cách hay nhất để giáo viên cả nước tham khảo; sách giáo viên cần thiết kế

Bảng 6: Đề xuất của cán bộ quản lí, giáo viên về triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 cấp Tiểu học

Cán bộ quản lí			Giáo viên				
STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %	STT	Nội dung câu trả lời	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Không	93	64,13	1	Không	180	55,72
2	Tăng cường cơ sở vật chất	28	19,31	2	Viết đoạn, bài	42	13,00
3	Tập huấn	9	6,20	3	Tăng cường cơ sở vật chất	40	12,38
4	Viết đoạn, bài	8	5,51	4	Tập huấn	26	8,04
5	Tài liệu	4	2,75	5	Tài liệu	14	4,33
6	Kiến thức tiếng Việt	2	1,37	6	Đọc mở rộng	12	3,71
7	Đọc mở rộng	1	0,68	7	Kiến thức tiếng Việt	9	2,78
	Tổng	145	100,00		Tổng	323	100,00

đáp án và hình thức tổ chức rõ ràng hơn; tăng cường các nguồn học liệu, trang bị từ điển tiếng Việt cho các thầy cô, cung cấp đầy đủ tài liệu, có nhiều tiết dạy mẫu, video minh họa,... Nội dung dạy viết đoạn văn, văn bản cần có điều chỉnh để gần gũi với học sinh hơn, giảm bớt nội dung phần viết ở lớp 4, 5, đề bài của phần Viết nên thay đổi cho phù hợp hơn, mong muốn hướng dẫn chi tiết hơn về nội dung viết đoạn, bài. Về tập huấn, giáo viên, cán bộ quản lí mong muốn có thêm nhiều buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên môn theo cụm lớp, tập huấn về phương pháp và kiểm tra đánh giá theo năng lực. Về kiến thức tiếng Việt, nội dung dạy về dấu câu cần được hướng dẫn thêm, giảm nhẹ kiến thức về luyện từ và câu. Phần từ ghép, từ láy nên để lại ở lớp 5 với mức độ nhận biết đơn giản. Cần điều chỉnh một số nội dung về phân biệt cấu tạo từ. Phần đọc mở rộng cần có hướng dẫn cụ thể. Nội dung đọc mở rộng cần điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện vùng kinh tế khó khăn, chưa tiếp cận được tài liệu tham khảo.

2.3. Một số đề xuất

Trên cơ sở một số rà soát bước đầu về Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ở cấp Tiểu học, chúng tôi đề xuất một số việc làm cụ thể như sau:

Thứ nhất, cần có một đánh giá sâu rộng về Chương trình và thực tiễn triển khai ở nhà trường. Đây là một việc làm cần thiết trong quá trình phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông, từ đó có những bổ sung,

cập nhật, hoàn thiện Chương trình nhằm đáp ứng các mục tiêu đề ra trong Chương trình cũng như thực tiễn dạy học. Việc này có thể được thực hiện dưới sự chủ trì của Bộ Giáo dục và Đào tạo với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà giáo dục, giáo viên, cán bộ quản lí ở các viện nghiên cứu, trường đại học, trường tiểu học, cơ quan quản lí giáo dục trên cả nước. Văn bản báo cáo nên thu thập ý kiến góp ý không chỉ của các chuyên gia giáo dục mà cả các lực lượng xã hội khác, bao gồm cả học sinh và phụ huynh học sinh.

Thứ hai, xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình trên cơ sở những bổ sung, cập nhật đã có.

Thứ ba, tổ chức phổ biến những bổ sung cập nhật dưới nhiều hình thức như bồi dưỡng tập huấn giáo viên thực hiện Chương trình, gửi văn bản hướng dẫn đến các nhà trường, thông tin trên các phương tiện truyền thông.

3. Kết luận

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) cấp Tiểu học nằm trong giai đoạn giáo dục cơ bản với mục tiêu giúp học sinh có thể sử dụng thành thạo tiếng Việt để có thể giao tiếp hiệu quả trong đời sống, hình thành và phát triển những năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt cũng như bồi dưỡng những phẩm chất cần có nhằm phát triển về tâm hồn, nhân cách học sinh. Trong quá trình triển khai, Chương trình đã thể hiện nhiều ưu điểm đáp ứng thực tiễn biên soạn tài liệu và dạy

học trong nhà trường phổ thông như: Nêu rõ hơn các yêu cầu học sinh cần đạt được, cần làm được; Có sự kết nối khá hợp lý về nội dung, yêu cầu cần đạt giữa các lớp; Giảm tính hàn lâm trong nội dung dạy học kiến thức tiếng Việt, kiến thức Văn học ở cấp Tiểu học và bổ sung những đơn vị kiến thức cần thiết giúp học sinh có cơ sở để phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học. Bên cạnh đó, Chương trình cũng có một số nội dung cần xem xét như yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc, viết, nói, nghe mới chỉ là yêu cầu chung, chưa chỉ rõ được các mức đạt khác nhau; Một số yêu cầu chưa rõ về năng lực; Một số nội dung còn chung chung, chưa có chỉ dẫn cụ thể. Một số nội dung nhiều giáo viên, cán bộ quản lý gặp

khó khăn khi triển khai như kĩ năng viết đoạn, bài; nội dung đọc mở rộng. Nghiên cứu, rà soát Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn cấp Tiểu học nhằm khẳng định những ưu thế của Chương trình và đề xuất hướng điều chỉnh, bổ sung, cập nhật nhằm làm cho việc triển khai Chương trình đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục cũng như các mục tiêu chung của Chương trình tổng thể và Chương trình môn học.

Lời cảm ơn: Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ: “Nghiên cứu, rà soát Chương trình môn Tiếng Việt cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018”, mã số: V2024-13TX.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (26/12/2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (26/12/2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Chương trình Tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT).

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông).

Department of Basic Education. (2017). *Report on the Implementation Evaluation of the National Curriculum Statement Grade R to 12 Focusing on the Curriculum and Assessment Policy Statements (CAPS)*,

Pretoria: Department of Planning, Monitoring and Evaluation/Department of Basic Education. Retrieved from <https://www.education.gov.za>.

Sinnema, C. (2011). *Monitoring and evaluating curriculum implementation, Final evaluation report on the implementation of the New Zealand Curriculum 2008-2009*, Report to the Ministry of Education. Retrieved from <http://thehub.superu.govt.nz>

Trần Thị Hiền Lương - Phạm Thị Hằng - Hà Thị Thúy. (2022). Một số vấn đề về triển khai dạy học môn Tiếng Việt lớp 2 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 18, số 52.